

Số: 770/TB-ĐHNB

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐỢT BỔ SUNG NĂM 2024

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2024, căn cứ số lượng thí sinh trúng tuyển đợt 1 sau khi lọc ảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hòa Bình thông báo tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy bổ sung năm 2024 như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh:

3.1. Phương thức xét tuyển:

Tuyển sinh đợt bổ sung năm 2024, Trường Đại học Hòa Bình xét tuyển theo 2 phương thức sau:

Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ), kết quả tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học cùng nhóm ngành đào tạo.

3.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng điểm nhận hồ sơ)

(Theo phụ lục đính kèm theo)

3.3. Tiêu chí xét tuyển

Dựa vào Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau: $ĐXT = TĐ1 + ĐUT$

Trong đó:

- TĐ1 là tổng điểm các bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển.
- ĐUT là điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hòa Bình.

3.4. Nguyên tắc xét tuyển

Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, xét tuyển cho các ngành theo ĐXT của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu bổ sung.

3.5. Yêu cầu bài thi môn Vẽ

a) *Về quy cách và nội dung:* Thí sinh tự vẽ 01 hình họa đầu tượng hoặc chân dung người (nam, nữ) hoặc đồ vật (lọ hoa, ấm, chén,...) trên giấy A3 bằng bút chì đen; 01 bài trang trí hình vuông (20 x 20 cm) họa tiết hoa lá, chất liệu bột màu, màu goát hoặc màu nước.

b) *Về yêu cầu sản phẩm*: Có bố cục chính phụ rõ ràng, sinh động và gợi sáng tối bằng bút chì đen (đối với bài hình họa) và họa tiết có yếu tố trang trí cao, phối màu đẹp (đối với bài trang trí).

c) *Phương thức dự thi*: Thí sinh tự hoàn thiện bài thi môn Vẽ theo yêu cầu và gửi bài về Trường Đại học Hòa Bình qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trường. Địa chỉ: Số 8 Bùi Xuân Phái, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

d) *Thời gian nộp bài dự thi*: Trước khi kết thúc mỗi đợt xét tuyển 2 tuần, thí sinh phải hoàn thành và nộp bài thi Vẽ về Trường Đại học Hòa Bình để chấm và thông báo kết quả.

Thí sinh có thể sử dụng kết quả dự thi môn Vẽ năm 2024 tại các trường đại học khác (giấy báo điểm) để xét tuyển thay cho bài thi Vẽ tại Trường Đại học Hòa Bình.

4. Ngành đào tạo và tổ hợp xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Thời gian đào tạo
1	Dược học	7720201	45	A00, B00, D07, D08	5 năm
2	Điều dưỡng	7720301	30		4 năm
3	Y học cổ truyền	7720115	70		6 năm
4	Y khoa	7720101	30		6 năm
5	Kỹ thuật Ô tô	7520130	50	A00, A01, C01, D07	4,5 năm
6	Công nghệ thông tin	7480201	50	A00, A01, C01, D01	4 năm
7	Công nghệ đa phương tiện	7329001	30	A00, A01, C01, D01	4 năm
8	Thiết kế đồ họa	7210403	30	H00, H01, V00, V01	4 năm
9	Thiết kế nội thất	7580108	15		
10	Thiết kế thời trang	7210404	15		
11	Quản trị kinh doanh	7340101	50	A00, A01, D01, D96	4 năm
12	Tài chính ngân hàng	7340201	30		
13	Kế toán	7340301	30		
14	Luật kinh tế	7380107	30	A00, C00, D01, D78	4 năm
15	Quan hệ công chúng	7320108	20	C00, D01, D15, D78	4 năm
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	30	C00, D01, D72, D96	4 năm
17	Ngôn ngữ Anh	7220201	20	D01, D14, D15, D78	4 năm
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	30	D01, D04, A01, C00	4 năm
19	Quản trị khách sạn	7810201	20	C00, D01, D72, D96	4 năm
20	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	30	A00, A01, D01, D96	4 năm
21	Thương mại điện tử	7340122	25	A00, A01, D01, D96	4 năm
22	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	30	A00, A01, C01, D01	4 năm
23	Công tác xã hội	7760101	30	C00, D01, D78, D96	4 năm
24	Truyền thông đa phương tiện	7320104	20	A00, A01, C00, D01	4 năm

Ghi chú: A00 - Toán, Lí, Hóa; A01- Toán, Lí, Tiếng Anh; A02 - Toán, Lí, Sinh; B00 - Toán, Hóa, Sinh; C00 - Văn, Sử, Địa; C01- Toán, Văn, Lí; D01- Văn, Toán, Tiếng Anh; D07- Toán, Hóa, Tiếng Anh; D08- Toán, Sinh, Tiếng Anh; D14- Văn, Sử, Tiếng Anh; D15- Văn, Địa, Tiếng Anh; H00 - Văn, Vẽ 1, Vẽ 2; H01- Toán, Văn, Vẽ hình họa; V00 - Toán, Lí, Vẽ; V01- Toán, Văn, Vẽ; D72: Văn - Tiếng Anh - Khoa học tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học); D78: Văn - Tiếng Anh - Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân); D96: Toán - Tiếng Anh - Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân).

5. Chính sách ưu tiên:

LOẠI ƯU ĐÃI		ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHI TIẾT
HỌC BỔNG	Học bổng Doanh nghiệp	Sinh viên được Doanh nghiệp tài trợ	Quý học bổng Doanh nghiệp lên đến 15 tỷ đồng, điều kiện nhận học bổng theo tiêu chí cụ thể của doanh nghiệp tài trợ.
	Học bổng Tài năng	Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp Huyện, Tỉnh, Quốc gia, Quốc tế trong thời gian học THPT	- Ưu tiên xét tuyển vào Trường; - Giảm 25%-100% học phí toàn khóa học.
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ/ ƯU ĐÃI	Chính sách hỗ trợ thí sinh vùng khó khăn	- Thí sinh thuộc các tỉnh: Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Kạn, Cao Bằng, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Bình, Quảng Trị, các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ; - Thí sinh thuộc các huyện miền núi, bãi ngang ven biển thuộc các tỉnh: Bắc Giang, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Nghệ An.	- Ưu tiên chỗ ở ký túc xá; - Giảm 20% học phí năm học đầu tiên; - Hỗ trợ chi phí 6 tháng ký túc xá.
	Hỗ trợ Gia đình có từ 2 người học trở lên	Thí sinh có bố, mẹ, con đẻ; anh, chị em ruột theo học đồng thời	Giảm 30% học phí toàn khoá của người thứ 2 trở đi trong thời gian cùng học tại trường theo thời gian đào tạo chuẩn.
	Hỗ trợ người học đã và đang học tập tại Trường		Giảm 30% học phí toàn khoá học
	Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước		

6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo học chế tín chỉ.

7. Học phí:

STT	Ngành đào tạo	Học phí/ tín chỉ Năm thứ nhất	Học phí/ tháng
1	Tài chính ngân hàng	640,000	2,100,000
2	Kế toán	640,000	2,100,000
3	Luật kinh tế	640,000	2,100,000
4	Công tác xã hội	650,000	2,100,000
5	Ngôn ngữ Anh	640,000	2,100,000
6	Ngôn ngữ Trung Quốc	660,000	2,200,000
7	Quan hệ công chúng	680,000	2,200,000
8	Truyền thông đa phương tiện	720,000	2,350,000
9	Quản trị kinh doanh	720,000	2,350,000
10	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	720,000	2,350,000
11	Thương mại điện tử	720,000	2,350,000
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	720,000	2,350,000
13	Quản trị khách sạn	720,000	2,350,000
14	Công nghệ thông tin	720,000	2,350,000
15	Công nghệ đa phương tiện	720,000	2,350,000
16	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	720,000	2,350,000
17	Thiết kế đồ họa	730,000	2,500,000
18	Thiết kế nội thất	730,000	2,500,000
19	Thiết kế thời trang	730,000	2,500,000
20	Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật ô tô – chuyên ngành Cơ điện tử ô tô	730,000	2,500,000
21	Điều dưỡng	750,000	2,500,000
22	Dược	1,150,000	3,500,000
23	Y học cổ truyền	1,250,000	3,900,000
24	Y Khoa	1,650,000	5,500,000

Học phí các năm tiếp theo tăng 11% so với năm trước, riêng 3 ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang tăng 14%.

8. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Hòa Bình, số 8 Bùi Xuân Phái, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

9. Hồ sơ xét tuyển

(1) Phiếu ĐKXT năm 2024 (thí sinh có thể download tại địa chỉ website của Trường: <http://daihochoabinh.edu.vn>);

(2) Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời, bản sao giấy báo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và bản sao học bạ THPT hoặc Bản sao Bằng tốt nghiệp và học bạ THPT (tốt nghiệp trước năm 2024);

(3) Bản sao căn cước công dân;

(4) Bản sao công chứng bằng và bảng điểm TC/CĐ/ĐH (nếu có);

(5) Giấy tờ ưu tiên (nếu có).

10. Thời gian nộp hồ sơ và thông báo kết quả xét tuyển:

- Thời gian nộp hồ sơ: Kể từ ngày ra thông báo.
- Thông báo kết quả xét tuyển: Sau khi xét hồ sơ và có kết quả trúng tuyển theo quy chế.

11. Hình thức nhận ĐKXT:

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường, gửi qua đường Bưu điện, đăng ký online tại địa chỉ <https://tuyensinh.daihochoabinh.edu.vn> hoặc đăng ký trên trang thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Địa điểm tư vấn và nhận hồ sơ:

a) Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện bằng hình thức thư phát chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Hòa Bình - Số 8, phố Bùi Xuân Phái, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0247 1099 669 - 0981 969 288.

b) Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa - Trường Đại học Hòa Bình, Số 4 Nguyễn Tạo, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa. Điện thoại: 0237 375 7680 – 0978987246.

(**) Xem chi tiết tại Đề án tuyển sinh năm 2024 trên Website của Trường.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- HĐTS Trường (để th/h);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để th/h);
- Đăng Website Trường;
- Lưu VT, P.ĐT ĐH&SDH.



NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng





PHỤ LỤC: NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO
(ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung)

(Kèm theo Thông báo số: 770/TB-ĐHQB, ngày 29 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

1. Ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng nhận hồ sơ
1	Y học cổ truyền	7720115	A00, B00, D07, D08	21.0
2	Y Khoa	7720101		22,5
3	Dược học	7720201		21.0
4	Điều dưỡng	7720301		19.0
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, C01, D01	17.0
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D96	17.0
7	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605		
8	Thương mại điện tử	7340122		17.0
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00, D01, D72, D96	17.0
10	Quản trị khách sạn	7810201		
11	Luật kinh tế	7380107	A00, C00, D01, D78	17.0
12	Tài chính ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D96	17.0
13	Kế toán	7340301		
14	Thiết kế đồ họa	7210403	H00, H01, V00, V01	17.0
15	Thiết kế nội thất	7580108		
16	Thiết kế thời trang	7210404		
17	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, C01, D01	17.5
18	Quan hệ công chúng	7320108	C00, D01, D15, D78	17.0
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D14, D15, D78	17.0
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, C00	17.0
21	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00, A01, C01, D01	17.0
22	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, C00, D01	17.0
23	Công tác xã hội	7760101	C00, D01, D78, D96	17.0
24	Kỹ thuật điện tử viễn thông	7520207	A00, A01, C01, D01	17.0

2. Ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển theo kết quả học tập THPT (điểm học bạ) kết hợp bài thi sơ tuyển năng khiếu:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng nhận hồ sơ
01	Thiết kế đồ họa	7210403	H00, H01, V00, V01	17.0
02	Thiết kế nội thất	7580108		
03	Thiết kế thời trang	7210404		



[Handwritten signature]

3. Ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ THPT), trung cấp, cao đẳng, đại học cùng nhóm ngành xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng nhận hồ sơ
1	Y Khoa	7720101	A00, B00, D07, D08	Kết quả học tập lớp 12 đạt loại giỏi trở lên, hoặc Điểm xét tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên, hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học loại Khá trở lên và có chứng chỉ hành nghề từ đủ 1 năm hoặc 3 năm công tác đúng ngành nghề trở lên hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học loại Trung bình và có học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên và có chứng chỉ hành nghề từ đủ 1 năm hoặc 3 năm công tác đúng ngành nghề trở lên
2	Dược học	7720201		
3	Y học cổ truyền	7720115		
4	Điều dưỡng	7720301	A00, B00, D07, D08	Kết quả học tập lớp 12 đạt loại Khá trở lên, hoặc Điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng loại Khá trở lên hoặc Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và có 5 năm công tác đúng ngành nghề trở lên
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, C01, D01	17.0
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D96	17.0
7	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605		
8	Thương mại điện tử	7340122		
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00, D01, D72, D96	17.0
10	Quản trị khách sạn	7810201		
11	Luật kinh tế	7380107	A00, C00, D01, D78	17.0
12	Tài chính ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D96	17.0
13	Kế toán	7340301		
14	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, C01, D01	17.0
15	Quan hệ công chúng	7320108	C00, D01, D15, D78	17.0
16	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D14, D15, D78	17.0



TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng nhận hồ sơ
17	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, C00	17.0
18	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00, A01, C01, D01	17.0
19	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, C00, D01	17.0
20	Công tác xã hội	7760101	C00, D01, D78, D96	17.0
21	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01, C01, D01	17.0

2

